

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng

Mẫu số 14. Hợp đồng

Mẫu số 15. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN E-HSMT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: _____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn]* với giá hợp đồng là: _____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: _____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày _____ tháng _____ năm _____ (1) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

....., ngày tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[ghi tên, chức danh đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

Số:

Gói thầu: Dược liệu (gồm 122 phần)

Thuộc dự toán mua sắm: Cung cấp dược liệu năm 2026 lần 1

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-BVĐHYD ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dược liệu (gồm 122 phần) thuộc dự toán mua sắm cung cấp dược liệu năm 2026 lần 1 và thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số/BVĐHYD-TCG ngày ... tháng ... năm ... của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ... tháng năm

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ giao dịch : Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 3) – 221B Hoàng Văn Thụ, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38420070

E-mail : donviduoc.cs3@umc.edu.vn

Tài khoản : 3150743594 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0302203609

Đại diện là ông : Nguyễn Hoàng Bắc



Chức vụ : Giám đốc.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu :(viết in hoa).....

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

Tài khoản: [Bên B điền số tài khoản nhận thanh toán].

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... [trường hợp được ủy quyền].

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp được liệt kê với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các được liệt kê được nêu chi tiết tại **Phụ lục 1** kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 7 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dược liệu như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp có giá trúng thầu tại cơ sở y tế khác thấp hơn so với giá dược liệu tại hợp đồng này hoặc có ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội về giá dược liệu hoặc các trường hợp khác có ảnh hưởng đến giá, các bên sẽ thương lượng để xem xét điều chỉnh lại giá.

Điều 5. Giao nhận dược liệu

1. Thời gian giao hàng:

a. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, số lượng dược liệu theo hợp đồng này sẽ được giao thành nhiều lần theo yêu cầu của Bên A thông qua các đơn đặt hàng;

b. Bên A sẽ gửi đơn đặt hàng đến địa chỉ email do Bên B cung cấp bao gồm các thông tin cần thiết về dược liệu và số lượng dược liệu cần Bên B giao;

c. Bên B có nghĩa vụ giao dược liệu theo đúng đơn đặt hàng trong vòng 7 ngày làm việc kể từ thời điểm Bên A gửi thành công đơn đặt hàng qua email;

d. Trong vòng 03 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được đơn đặt hàng, Bên B có nghĩa vụ phản hồi cho Bên A bằng email về việc đã nhận được đơn đặt hàng và thời điểm giao hàng cụ thể hoặc các vấn đề có liên quan đến đơn hàng; trường hợp Bên A gửi đơn hàng sau 14 giờ 00 thì Bên B phải phản hồi trước 09 giờ 00 của ngày làm việc tiếp theo;

e. Trong trường hợp Bên B không thể giao hàng trong thời gian quy định nêu trên, Bên B phải gửi văn bản chính thức đến Bên A về việc chậm trễ giao hàng, lý do chậm trễ, thời gian dự kiến có thể cung cấp dược liệu với số lượng theo đơn đặt hàng và các biện pháp khắc phục về việc không thể giao hàng.

2. Từ chối nhận hàng:

Tại thời điểm giao hàng, Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu dược liệu thuộc vào một trong các trường hợp như sau:

a. Không đúng về danh mục trúng thầu, chủng loại theo đơn đặt hàng;

b. Không đáp ứng về điều kiện đóng gói theo Mục 19 ĐKC và ĐKCT của hợp đồng;

c. Không đáp ứng về mặt cảm quan bao gồm nhưng không giới hạn: Dược liệu không còn nguyên bao bì, móp méo, rách nát, bẻ vỡ; không thống nhất nội dung bao bì trong-ngoài; không đáp ứng hạn sử dụng của dược liệu theo yêu cầu tại Mục 24.3 ĐKCT;

d. Không cung cấp đầy đủ các thông tin và chứng từ liên quan theo Mục 10 ĐKCT của hợp đồng trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bên B chỉ hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi đã cung cấp đầy đủ các thông tin và chứng từ liên quan theo quy định nêu trên.

Điều 6. Xử lý tình huống sau khi giao nhận dược liệu

1. Sau khi dược liệu đã được giao bởi Bên B và nhận bởi bên A thành công, Bên

B có nghĩa vụ thông báo đồng thời thực hiện một hoặc nhiều nhưng không giới hạn các biện pháp khắc phục như thu hồi, đổi mới, bổ sung dược liệu, kể cả các vấn đề phát sinh khác có liên quan, nếu dược liệu thuộc một các trường hợp sau đây:

a. Dược liệu không đúng theo nội dung quy định trong Điều 1 của hợp đồng hoặc yêu cầu của E-HSMT và nội dung của E-HSDT mà Bên A không thể phát hiện tại thời điểm giao nhận;

b. Dược liệu không có các đặc tính cần thiết cho mục đích sử dụng thông thường hoặc thương mại;

c. Dược liệu gây mất an toàn cho người sử dụng;

d. Dược liệu không còn được phép lưu hành trên thị trường;

e. Có yêu cầu thu hồi dược liệu của cơ quan có thẩm quyền;

f. Thiếu về số lượng trong trường hợp nhận hàng nguyên đai, nguyên kiện.

2. Trong trường hợp phát hiện dược liệu thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1 Điều này, Bên A sẽ lập biên bản và thông báo cho Bên B bằng văn bản về các nội dung dược liệu không phù hợp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm phát hiện. Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A thì Bên B phải có mặt và thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý theo khoản 1 Điều này.

Điều 7. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: VND (*Bằng chữ:đồng*)

Giá trên đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí khác.

2. Trong trường hợp điều chỉnh thuế theo quy định tại Mục 14 ĐKCT, việc điều chỉnh không làm tăng thêm giá dược liệu đã được phê duyệt trúng thầu.

3. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 15.1 ĐKCT.

Điều 8. Không hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả:

a. Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ giao hàng thì giá trị không hoàn trả

tương ứng với phần giá trị còn lại không thực hiện được nghĩa vụ giao hàng;

b. Các trường hợp vi phạm khác, Bên A sẽ không hoàn trả toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Việc phạt vi phạm do chậm giao hàng và các dịch vụ có liên quan được thực hiện theo Mục 23 ĐKCT. Trong các trường hợp bên A từ chối nhận hàng theo khoản 2 Điều 5 dẫn đến Bên B không đảm bảo về thời gian giao hàng thì Bên B sẽ bị phạt vi phạm do lỗi chậm giao hàng trừ trường hợp Bên B chứng minh việc từ chối nhận hàng của Bên A là không hợp lý hoặc có thỏa thuận khác.

2. Trong trường hợp có các vấn đề phát sinh cần khắc phục, Bên B không thể thực hiện đúng thời gian theo quy định tại Mục 21 ĐKCT, Mục 22 ĐKCT và Mục 24 ĐKCT thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,1% giá trị vi phạm/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 8% giá trị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.

3. Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo Mục 23 ĐKCT.

4. Khi được liệu của Bên B gây thiệt hại cho Bên thứ ba do không đảm bảo chất lượng thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên thứ ba theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo

1. Thông báo là hành vi trao đổi thông tin giữa hai bên theo hình thức được quy định nêu tại Mục 5 ĐKC.

2. Thời điểm tiếp nhận thông báo được xác định như sau:

- a) Tại thời điểm giao, nếu giao nhận trực tiếp;
- b) Tại thời điểm ghi nhận đã nhận, nếu giao nhận thông qua dịch vụ vận chuyển có báo phát;
- c) 05 ngày làm việc sau khi gửi nếu giao nhận thông qua dịch vụ vận chuyển thông thường không báo phát;
- d) Tại thời điểm ghi nhận kết quả xác nhận đã gửi thành công nếu gửi bằng thư điện tử hoặc máy fax hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 11. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 12. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó:

1. Thời gian thực hiện gói thầu (bao gồm cả thời gian nghiệm thu): 19 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

2. Thời gian cung cấp được liệu của Bên B: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ Đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 1. BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số .../2026/BVĐHYD-CS3, ngày tháng năm 2026)

STT	Tên dược liệu	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (Hình thức)	Quy cách đóng gói	Nguồn gốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Hạn dùng	Số ĐKLH/GPNK; Số GACP; Số công bố TCCL hoặc phiên bản Dược điển áp dụng	Cơ sở sản xuất	Cơ sở cung cấp	Phân nhóm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) (VND)	Thành tiền (có VAT) (VND)
1																
2																
3																
...																
Tổng cộng giá hợp đồng																

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Bắc



BM: HĐĐT.16(1)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dược liệu cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.